



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2023



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Giấy Chứng nhận</b>	1301026370	ngày 17 tháng 3 năm 2017
<b>Đăng ký Doanh nghiệp số</b>	1301026370	ngày 31 tháng 5 năm 2018

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh hai lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1301026370 ngày 31 tháng 5 năm 2018. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Phòng Đăng ký Kinh doanh Tỉnh Bến Tre cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Lưu Văn Tuấn Bà Bùi Thị Thúy Ông Đinh Văn Thuận Ông Phạm Tấn Lợi Ông Phạm Hồng Minh	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
--------------------------	---	--

<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Đỗ Văn Biên Ông Hà Đức Trung Bà Lưu Thanh Thảo	Trưởng ban Thành viên Thành viên
----------------------	--	--

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Lưu Văn Tuấn Bà Lê Thị Tố Uyên	Giám đốc Phó Giám đốc
---------------------	---------------------------------------	--------------------------

<b>Trụ sở đăng ký</b>	Áp Phước Hậu (Thửa đất số 379, tờ bản đồ số 7) Xã An Phước, Huyện Châu Thành Tỉnh Bến Tre Việt Nam	
-----------------------	---	--

<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	
--------------------------	-------------------------------	--

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 27 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lưu Văn Tuấn  
Giám đốc

Tỉnh Bến Tre, ngày 22 tháng 3 năm 2024



KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 22 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 27.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-01-01031-24-1



*Phạm Huy Cường*  
Phạm Huy Cường  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2675-2024-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

*Nguyễn Thị Thu Hà*

Nguyễn Thị Thu Hà  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2236-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2024

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>62.945.773.266</b>	<b>65.233.651.532</b>
<b>Tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>4.082.563.506</b>	<b>2.353.858.186</b>
Tiền	111		4.082.563.506	2.353.858.186
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>15.409.393.310</b>	<b>6.953.786.784</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	15.327.716.433	6.818.833.942
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	31.480.080
Phải thu ngắn hạn khác	136		81.676.877	103.472.762
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>42.312.622.723</b>	<b>55.187.063.312</b>
Hàng tồn kho	141		42.319.406.535	55.187.063.312
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.783.812)	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.141.193.727</b>	<b>738.943.250</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.141.193.727	738.943.250
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 210 + 220 + 240 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>476.062.371.856</b>	<b>515.313.176.267</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>20.000.000</b>	<b>20.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		20.000.000	20.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>456.495.893.600</b>	<b>495.847.931.984</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	7	456.495.893.600	495.847.931.984
Nguyên giá	222		741.564.449.652	741.044.944.828
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(285.068.556.052)	(245.197.012.844)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>164.214.633</b>	<b>-</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	8	164.214.633	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>19.382.263.623</b>	<b>19.445.244.283</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	18.437.716.620	18.489.399.614
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	10	944.547.003	955.844.669
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>539.008.145.122</b>	<b>580.546.827.799</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>409.811.265.613</b>	<b>446.996.028.736</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>266.713.270.464</b>	<b>216.048.256.032</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	56.881.421.943	6.252.850.834
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.973.000	10.591.500
Thuế phải nộp Nhà nước	313	12	73.067.768.272	70.614.422.204
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	8.049.607.917	7.898.618.372
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	1.288.178.447	8.136.604.517
Vay ngắn hạn	320	15(a)	127.213.318.409	121.178.369.547
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	210.002.476	1.956.799.058
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>143.097.995.149</b>	<b>230.947.772.704</b>
Vay dài hạn	338	15(b)	138.446.469.452	226.446.469.452
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	10	4.651.525.697	4.501.303.252
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>129.196.879.509</b>	<b>133.550.799.063</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>129.196.879.509</b>	<b>133.550.799.063</b>
Vốn cổ phần	411	18	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29.196.879.509	33.550.799.063
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		28.550.799.063	19.752.402.868
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm	421b		646.080.446	13.798.396.195
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>539.008.145.122</b>	<b>580.546.827.799</b>

Ngày 22 tháng 3 năm 2024

Người lập:  


Phạm Thế Lộc  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:  
  


Lưu Văn Tuấn  
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán hàng	01	20	472.021.195.626	592.466.300.344
Giá vốn hàng bán	11	21	433.478.762.119	527.890.224.965
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>38.542.433.507</b>	<b>64.576.075.379</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21		81.385.591	269.374.875
Chi phí tài chính	22		25.459.855.133	24.013.497.015
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		25.459.855.133	24.013.497.015
Chi phí bán hàng	25		360.687.686	7.449.802
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	10.534.635.082	11.533.327.809
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>2.268.641.197</b>	<b>29.291.175.628</b>
Thu nhập khác	31		1.853.008.485	1.077.291.554
Chi phí khác	32	23	3.314.049.125	3.937.121.703
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(1.461.040.640)</b>	<b>(2.859.830.149)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>807.600.557</b>	<b>26.431.345.479</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	-	1.884.428.665
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	25	161.520.111	4.198.520.619
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>646.080.446</b>	<b>20.348.396.195</b>

Ngày 22 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Phạm Thế Lộc  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lưu Văn Tuấn  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>807.600.557</b>	<b>26.431.345.479</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao	02		39.871.543.208	42.502.990.607
Các khoản dự phòng	03		6.783.812	-
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(81.385.591)	(269.374.875)
Chi phí lãi vay	06		25.459.855.133	24.013.497.015
			<hr/>	<hr/>
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>66.064.397.119</b>	<b>92.678.458.226</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(8.455.606.526)	(4.254.988.991)
Biến động hàng tồn kho	10		12.867.656.777	1.872.959.034
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		53.192.847.674	(13.467.090)
Biến động chi phí trả trước	12		(350.567.483)	965.172.979
			<hr/>	<hr/>
			<b>123.318.727.561</b>	<b>91.248.134.158</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(26.166.253.761)	(24.381.455.530)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.143.930.894)	(1.457.276.482)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.746.796.582)	(1.255.000.000)
			<hr/>	<hr/>
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>94.261.746.324</b>	<b>64.154.402.146</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(649.375.457)	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		81.385.591	269.374.875
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(567.989.866)</b>	<b>269.374.875</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		630.252.560.690	554.439.262.367
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(712.217.611.828)	(609.260.892.820)
Tiền chi trả cổ tức	36		(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(91.965.051.138)</b>	<b>(64.821.630.453)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>1.728.705.320</b>	<b>(397.853.432)</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>2.353.858.186</b>	<b>2.751.711.618</b>
<b>Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>4.082.563.506</b>	<b>2.353.858.186</b>

Ngày 22 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Phạm Thế Lộc  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lưu Văn Tuấn  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

## **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, và nước giải khát.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 87 nhân viên (1/1/2023: 88 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

## Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

#### (c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 203.767 triệu VND (1/1/2023: 150.815 triệu VND). Công ty cũng có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 15). Hơn nữa, Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho bên liên quan là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng và hỗ trợ điều khoản thanh toán từ Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, tạo ra dòng tiền thuần thu vào từ hoạt động kinh doanh và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn còn hạn mức tín dụng ngân hàng chưa sử dụng với giá trị là 68.787 triệu VND và cũng không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng và hỗ trợ điều khoản thanh toán từ Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và không thể tiếp tục tạo ra dòng tiền thuần thu vào từ hoạt động kinh doanh.

#### (d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

#### (e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

### 3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

#### (a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Tiền**

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**(c) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(d) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |             |
|--------------------------|-------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 10 – 46 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị    | 6 – 15 năm  |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 năm       |

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(f) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(g) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 48 đến 52 năm.

**(ii) Bao bì luân chuyển**

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két inox 1 đến 2 lít sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

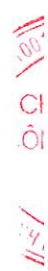
Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(h) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(i) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(j) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(k) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(l) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) *Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) *Thu nhập từ tiền lãi***

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(m) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(n) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời gian thuê.

**(o) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

**(p) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

**4. Tiền**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền gửi ngân hàng	4.082.563.506	2.353.858.186



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn - một bên liên quan	14.463.299.133	6.734.475.000
Các khách hàng khác	864.417.300	84.358.942
	<u>15.327.716.433</u>	<u>6.818.833.942</u>

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**6. Hàng tồn kho**

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	7.410.892.990	(6.783.812)	11.346.532.808	-
Công cụ và dụng cụ	6.482.144.044	-	6.496.966.767	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	573.913.244	-	18.176.181.102	-
Thành phẩm	27.852.456.257	-	19.007.350.635	-
Hàng hóa	-	-	160.032.000	-
	<u>42.319.406.535</u>	<u>(6.783.812)</u>	<u>55.187.063.312</u>	<u>-</u>

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	-	-
Dự phòng trích lập trong năm	6.783.812	-
Số dư cuối năm	<u>6.783.812</u>	<u>-</u>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***7. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	198.039.748.285	540.969.661.452	2.035.535.091	741.044.944.828
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	288.369.145	231.135.679	-	519.504.824
Phân loại lại	-	(2.975.905.164)	2.975.905.164	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>198.328.117.430</b>	<b>538.224.891.967</b>	<b>5.011.440.255</b>	<b>741.564.449.652</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	30.518.250.458	213.356.667.157	1.322.095.229	245.197.012.844
Khấu hao trong năm	5.665.853.928	33.133.433.120	1.072.256.160	39.871.543.208
Phân loại lại	-	(1.868.933.388)	1.868.933.388	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>36.184.104.386</b>	<b>244.621.166.889</b>	<b>4.263.284.777</b>	<b>285.068.556.052</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	167.521.497.827	327.612.994.295	713.439.862	495.847.931.984
Số dư cuối năm	162.144.013.044	291.734.791.690	2.617.088.866	456.495.893.600

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 456.496 triệu VND (1/1/2023: 495.848 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 15(b)).

**8. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2023 VND</b>
Số dư đầu năm	-
Tăng trong năm	683.719.457
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(519.504.824)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>164.214.633</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đất trả trước VND</b>	<b>Bao bì luân chuyển VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu năm	18.083.422.092	100.634.510	305.343.012	18.489.399.614
Tăng trong năm	-	258.000.000	396.328.537	654.328.537
Phân bổ trong năm	(409.433.652)	(110.238.510)	(181.624.369)	(701.296.531)
Thanh lý	-	(4.715.000)	-	(4.715.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>17.673.988.440</b>	<b>243.681.000</b>	<b>520.047.180</b>	<b>18.437.716.620</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, chi phí trả trước dài hạn có giá trị còn lại là 17.674 triệu VND (1/1/2023: 18.083 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 15(b)).

**10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại/Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	<b>Thuế suất</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	20%	944.547.003	955.844.669
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả: Chênh lệch tạm thời phát sinh từ khấu hao tài sản cố định hữu hình	20%	(4.651.525.697)	(4.501.303.252)
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần</b>		<b>(3.706.978.695)</b>	<b>(3.545.458.583)</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	53.519.169.664	396.148.320
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại và Sản xuất Lê Lờ	1.664.520.000	932.677.200
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Năng Lượng Xanh	504.455.105	1.916.662.005
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phước Thành IV	-	1.818.134.500
Các nhà cung cấp khác	1.193.277.174	1.189.228.809
	56.881.421.943	6.252.850.834

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	53.519.169.664	396.148.320
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	162.432.000	-

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

**12. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2023 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	7.598.621.364	91.828.860.112	(91.225.324.271)	8.202.157.205
Thuế tiêu thụ đặc biệt	61.738.280.535	449.718.366.101	(446.651.828.973)	64.804.817.663
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.143.930.894	-	(1.143.930.894)	-
Thuế thu nhập cá nhân	133.589.411	850.438.193	(923.234.200)	60.793.404
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	70.614.422.204	542.400.664.406	(539.947.318.338)	73.067.768.272

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay phải trả	1.616.852.015	2.323.250.643
Chi phí thưởng	4.715.951.201	4.779.223.345
Chi phí phải trả khác	1.716.804.701	796.144.384
	<b>8.049.607.917</b>	<b>7.898.618.372</b>

**14. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Cổ tức phải trả	-	5.000.000.000
Hàng mua chưa nhận được hóa đơn	496.913.332	2.384.030.984
Phải trả ngắn hạn khác	791.265.115	752.573.533
	<b>1.288.178.447</b>	<b>8.136.604.517</b>

**15. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	<b>1/1/2023</b> <b>Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND</b>	<b>Biến động trong năm</b>		<b>31/12/2023</b> <b>Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND</b>
		<b>Tăng VND</b>	<b>Giảm VND</b>	
Vay ngắn hạn (*)	53.678.369.547	630.252.560.690	(622.717.611.828)	61.213.318.409
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 15(b))	67.500.000.000	88.000.000.000	(89.500.000.000)	66.000.000.000
	<b>121.178.369.547</b>	<b>718.252.560.690</b>	<b>(712.217.611.828)</b>	<b>127.213.318.409</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(\*) Điều khoản và điều kiện của khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4, TP Hồ Chí Minh	VND	2,90% - 8,00%	61.213.318.409	53.678.369.547

Khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 4, TP Hồ Chí Minh có hạn mức tín dụng là 130.000 triệu VND và được đảm bảo bằng tài sản như được trình bày ở Thuyết minh 15(b).

(b) **Vay dài hạn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Vay dài hạn (*)	204.446.469.452	293.946.469.452
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 15(a))	(66.000.000.000)	(67.500.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	138.446.469.452	226.446.469.452

(\*) Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Vietinbank - Chi nhánh 4, TP Hồ Chí Minh	VND	7,50% - 8,66%	2026	204.446.469.452	293.946.469.452

Khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ Vietinbank – Chi nhánh 4, TP. Hồ Chí Minh được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 474.170 triệu VND (1/1/2023: 513.931 triệu VND) (Thuyết minh 7 và Thuyết minh 9).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	1.956.799.058	60.519.058
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận 2022 (Thuyết minh 17)	-	1.550.000.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận 2021 (Thuyết minh 17)	-	1.601.280.000
Sử dụng trong năm	(1.746.796.582)	(1.255.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	210.002.476	1.956.799.058

**17. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần</b> <b>VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b> <b>chưa phân phối</b> <b>VND</b>	<b>Tổng</b> <b>VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	100.000.000.000	31.353.682.868	131.353.682.868
Lợi nhuận thuần trong năm	-	20.348.396.195	20.348.396.195
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận 2022 (Thuyết minh 16)	-	(1.550.000.000)	(1.550.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận 2021 (Thuyết minh 16)	-	(1.601.280.000)	(1.601.280.000)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	100.000.000.000	33.550.799.063	133.550.799.063
Lợi nhuận thuần trong năm	-	646.080.446	646.080.446
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	100.000.000.000	29.196.879.509	129.196.879.509

## Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2023 và 1/1/2023	
	Số lượng cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	100.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	100.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

## 19. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 20 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty quyết định chia cổ tức cho các cổ đông với số tiền là 5 tỷ VND (tương đương 500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 (2022: 10 tỷ VND, tương đương 1.000 VND/cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 và tạm ứng cổ tức cho các cổ đông với số tiền là 5 tỷ VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 (tương đương 500 VND/cổ phiếu)).

## 20. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2023 VND	2022 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	466.683.589.517	585.193.803.444
▪ Bán bã bia	5.051.745.500	7.186.702.700
▪ Doanh thu khác	285.860.609	85.794.200
	<b>472.021.195.626</b>	<b>592.466.300.344</b>



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Giá vốn hàng bán**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	433.478.762.119	527.890.224.965

**22. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	7.283.282.230	8.505.090.909
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	95.204.156	108.171.341
Chi phí khấu hao	443.232.192	443.232.192
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.138.219.867	1.963.994.591
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	574.696.637	512.838.776
	<b>10.534.635.082</b>	<b>11.533.327.809</b>

**23. Chi phí khác**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí khấu hao máy móc tạm ngừng hoạt động	3.076.656.281	3.498.900.943
Chi phí khác	237.392.844	438.220.760
	<b>3.314.049.125</b>	<b>3.937.121.703</b>

**24. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	384.900.431.558	467.757.423.084
Chi phí nhân công và nhân viên	21.753.226.184	24.219.565.998
Chi phí khấu hao	39.871.543.208	42.502.990.607
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.862.252.299	12.882.895.362
Chi phí khác	888.470.318	671.347.760

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***25. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b> Năm hiện hành	-	1.884.428.665
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b> Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	161.520.111	4.198.520.619
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>161.520.111</u>	<u>6.082.949.284</u>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	807.600.557	26.431.345.479
Thuế theo thuế suất của Công ty	161.520.111	5.286.269.096
Chi phí không được khấu trừ thuế	719.021.256	796.680.188
Chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	(719.021.256)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>161.520.111</u>	<u>6.082.949.284</u>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn</b>		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	915.125.207.400	1.169.420.458.490
Bán khác	116.034.984	58.334.574
Mua nguyên vật liệu	327.887.461.958	418.406.027.972
Cổ tức đã trả	1.000.000.000	2.000.000.000
<b>Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn</b>		
Phí sử dụng vỏ chai	144.269.231	-
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền</b>		
Mua dịch vụ	120.920.578	-
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co</b>		
Mua hàng hóa	583.425.000	-
Mua dịch vụ	192.610.000	258.070.000
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
<i>Thù lao</i>		
Ông Lưu Văn Tuấn – Chủ tịch	96.000.000	104.000.000
Bà Bùi Thị Thúy – Thành viên	72.000.000	78.000.000
Ông Nguyễn Sơn Dương – Thành viên	-	24.000.000
Ông Phạm Tấn Lợi – Thành viên	72.000.000	78.000.000
Ông Phạm Hồng Minh – Thành viên	72.000.000	78.000.000
Ông Đinh Văn Thuận – Thành viên	72.000.000	54.000.000
<b>Nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
<i>Lương, thưởng và các phúc lợi khác</i>	2.274.687.297	2.234.447.691
<b>Thành viên Ban kiểm soát</b>		
<i>Thù lao</i>		
Ông Đỗ Văn Biên – Trưởng ban	72.000.000	65.000.000
Ông Hà Đức Trung – Thành viên	48.000.000	52.000.000
Bà Lưu Thanh Thảo – Thành viên	48.000.000	52.000.000

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## **27. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Phạm Thế Lộc  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lưu Văn Tuấn  
Giám đốc

